DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Ban hành kèm Quyết định số ...../...../QĐ-BKS ngày ...../...../2024 của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – Vietbank)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh – Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

   Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank) nhằm hoạt động theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

   Quy chế này được thống nhất áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và trong toàn hệ thống Vietbank, bao gồm Hội sở, Văn phòng, Chi nhánh/Phòng giao dịch, các đơn vị trực thuộc, công ty con của Vietbank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vietbank hay Ngân hàng*: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
2. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
3. *Ban Điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
4. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
5. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
6. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
7. *Công ty con* của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.
8. *Hệ thống kiểm soát nội bộ* là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Vietbank được xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội

bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập:

a. *Tuyến bảo vệ thứ nhất:* có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện, gồm:

   i. Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro;

   ii. Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh;

   iii. Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán.

b. *Tuyến bảo vệ thứ hai:* có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do Bộ phận tuân thủ và bộ phận quản lý rủi ro thực hiện.

c. *Tuyến bảo vệ thứ ba:* có chức năng kiểm toán nội bộ do Ban kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật.

9. *Giám sát của quản lý cấp cao* là việc giám sát của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban Kiểm soát của Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ.

10. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

11. *Điều lệ ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).

12. *Luật CTCTD năm 2024* là Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024.

13. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.

14. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019.

15. *Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng* là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Vietbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành trong từng thời kỳ.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, không phải là người quản lý của Ngân hàng. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
6. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Ban Kiểm soát:

Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 6. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ:

1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng không được là thành viên Ban Kiểm soát.
2. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 7. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

Ban Kiểm soát phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát phải tối thiểu bao gồm các quy tắc sau đây:

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietbank;
4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:
   a. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được kiểm toán nội bộ;
   b. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 9. Cách thức bầu, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cách thức bầu, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   c) Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng;
   d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

1. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này, trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 13. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
    a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
    b. Trình độ chuyên môn;
    c. Quá trình công tác;
    d. Các chức danh quản lý khác;
    e. Lợi ích có liên quan đến Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
    f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

    Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 14. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Ngân hàng quy định.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật CTCTD và Điều lệ của Ngân hàng.
2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
6. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
   a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.
   b. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên nội bộ;
   c. Giám sát Ban kiểm toán nội bộ trong việc:
      i. Thực hiện kiểm toán nội bộ;
      ii. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ;
      iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
      iv. Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.
   d. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

e. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.

7. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

8. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.

11. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

    a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

    b. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật CTCTD năm 2024 và Điều lệ Ngân hàng.

15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD năm 2024 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết; giám sát quá trình thuê kiểm toán độc lập; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của Vietbank do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện.
17. Kiểm soát hoạt động của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động.
18. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
19. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
20. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
21. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
22. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
23. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của cổ đông.
24. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát.
25. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định theo pháp luật, quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
26. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
27. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
28. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
29. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

30. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

31. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

32. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 12,14 và 31 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD năm 2024.

33. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.

3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều lệ Ngân hàng.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 17. Quyền hạn, nghĩa vụ của Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát

Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 18. Quyền được tiếp cận, cung cấp thông tin

1. Tài liệu, thông tin phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

   a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.

   b. Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

   c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 19. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Vietbank và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, hoặc các thông tin mà Vietbank chưa công bố ra bên ngoài.

2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Vietbank, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

   a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

   b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Ngân hàng;

   c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại.

Điều 21. Họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau Ngày Thành lập. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 (bảy) ngày.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.

3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

   b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;

c. Trưởng Ban Kiểm soát;

d. Thành viên Ban Kiểm soát;

e. Tổng giám đốc;

f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, b, d, e, f Khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.

6. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Trưởng Ban Kiểm soát trước khi họp nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Ngân hàng.

7. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.

8. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Những người được mời dự họp Ban Kiểm soát: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

9. Thành viên Ban Kiểm soát được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều này.

   c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

   Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Trưởng Ban Kiểm soát chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết:

    a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

    b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

    c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

    d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

11. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

13. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

    a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

    b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

    Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Ban Kiểm soát. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Ban Kiểm soát đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Thời gian, địa điểm họp;
   b. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
   c. Mục đích, nội dung họp;
   d. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
   e. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f. Các vấn đề đã được thông qua;
   g. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng.
4. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Ban Kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Ban Kiểm soát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Mục 3
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH, ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, CÁC NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm

Các nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty

trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
9. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Trường hợp Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác thì thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
   c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
   d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
6. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
7. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải đảm bảo thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 26. Đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Công tác đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

1. Tự nhận xét đánh giá.
2. Đánh giá định kỳ 06 tháng/01 lần.
3. Đánh giá hoạt động.
4. Đánh giá hoạt động hàng năm và được tiến hành vào cuối năm.
5. Tổ chức lấy phiếu thăm dò và tín nhiệm.

Điều 27. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao: bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc được giao.
2. Đối với cấp lãnh đạo, thực hiện đánh giá khả năng quản lý, thái độ trong quản lý, mức độ tín nhiệm của nhân viên.
3. Phẩm chất đạo đức, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chủ trương, chính sách của Vietbank và quy định pháp luật.

4. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
5. Đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát, đoàn kiểm tra, giám sát với các đơn vị khác trong hệ thống Vietbank.

Điều 28. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Ban Kiểm soát được phân thành các mức độ sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Chưa hoàn thành nhiệm vụ cần cố gắng.
5. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 29. Khen thưởng đối với Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát Ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Ban Kiểm soát.
2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và đề xuất hình thức khen thưởng để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
4. Trưởng Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của cán bộ thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Vietbank và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi xem xét, quyết định.

Điều 30. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Ban Kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này, Quy chế quản trị công ty của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực

hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên Ban Kiểm soát mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 4
MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 32. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị:
   a. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
   b. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban Kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.
   c. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
   d. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban Kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.
   e. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát.
   f. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
   g. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
   h. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

i. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

j. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

k. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

l. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban Điều hành

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban Điều hành

a. Ban Kiểm soát trong quá trình làm việc với Ban Điều hành phải phối hợp chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Ban Điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b. Thành viên Ban Điều hành và Người Điều hành báo cáo Ban Kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể Ban Kiểm soát.

c. Tổng giám đốc phối hợp với Ban Kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của thành viên Ban Điều hành, Người điều hành.

d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát thông báo ý kiến của Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

e. Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành.

f. Thành viên Ban Điều hành và Người Điều hành khác; chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

g. Tổng Giám đốc đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan. Tổng Giám đốc cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát các văn bản về cơ chế chính sách, quy chế, quy định,... của Ngân hàng, văn bản chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 35. Mối quan hệ với các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ

Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm soát và các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ:

1. Các tuyến bảo vệ trong hệ thống Vietbank thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
2. Lãnh đạo các Đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 36. Mối quan hệ với Ban Kiểm toán nội bộ

Mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ:

1. Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (giám đốc) của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống Vietbank và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Kiểm toán nội bộ.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành:

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietbank bao gồm 03 Chương, 37 Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.
3. Quy định chuyển tiếp: Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban Kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.
4. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HỨA NGỌC NGHĨA